

Bản án số: 673/2019/HC-PT

Ngày: 24-9-2019

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước
về đất đai.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 407/2018/TLPT-HC ngày 16 tháng 8 năm 2018; về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2033/2019/QĐPT-HC ngày 03 tháng 9 năm 2019; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phan Thị L; Địa chỉ cư trú: tổ 1, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1/ Ông Nguyễn Văn H, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Kiên Hùng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

2/ Ông Lương Minh Kh, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Khang Huy, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

- Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân thị xã GN, tỉnh Đắk Nông; Địa chỉ trụ sở: phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông

Người đại diện theo pháp luật của UBND thị xã GN: Ông Trần Đình N;
Chức vụ: Chủ tịch.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã GN, tỉnh Đắk Nông; Địa chỉ trụ sở:
phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp của UBND thị xã GN và Chủ tịch UBND thị xã GN: Ông Nguyễn Văn D; Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 1277/UBND-VP ngày 04/8/2017, có mặt).

3/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông; Địa chỉ trụ sở: Đường 23/3,
phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông: Ông Trương Thanh T; Chức vụ: Phó Chủ (Văn bản ủy quyền số 4352/UBND-NC ngày 14/8/2017, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông; Địa chỉ trụ sở:
Đường 23/3, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông: Ông Lê Ngọc Qu; Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách.

Người đại diện hợp pháp của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông: Ông Phan Công V; Chức vụ: Phó Giám đốc (Văn bản ủy quyền ngày 03/10/2017, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Ông Dương Văn V1; Địa chỉ cư trú: xã TT, huyện LT, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện hợp pháp của ông Dương Văn V1: Bà Phan Thị L (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2017, có mặt).

- Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Văn B; Địa chỉ cư trú: tổ 03, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

2/ Ông K'M; Địa chỉ cư trú: thôn 06, xã ĐN, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

4/ Ông Nguyễn Văn T1; Địa chỉ cư trú: tổ 04, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Phan Thị L là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Phan Thị L trình bày:

Tháng 02/2004, bà nhận chuyển nhượng khoảng 9.000m² từ ông K'B2, thuộc thửa số 173, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn 6, xã ĐN, thị xã GN, tỉnh

Đăk Nông. Sau đó, bà xây dựng một căn nhà cấp 4 có diện tích 90m², xây lửng, lán nền, mái lợp tôn và dựng hàng rào để bảo vệ đất. Ngoài ra, em trai bà là ông Phan Văn Th đã khai phá được diện tích đất khoảng 2.200m², thuộc thửa số 170, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn 6, xã ĐN, thị xã GN, tỉnh Đăk Nông. Hai chị em bà cùng trồng cây gió bầu trên đất.

Tháng 12/2005, Sở Thương mại và Du lịch tỉnh Đăk Nông (viết tắt là Sở TM & DL tỉnh Đăk Nông) đã tự ý san ủi diện tích đất của gia đình bà và ông Thanh mà không bồi thường thiệt hại. Trung tâm Đo đạc và Tư vấn Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông tự ý kiểm kê tài sản để thu hồi đất của gia đình bà.

Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị xã GN ban hành Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 và Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng bà không đồng ý mức bồi thường.

Ngày 19/8/2008, UBND thị xã GN ban hành Quyết định số 1965/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 6.322m² đất của gia đình bà. Ngày 11/02/2009, UBND thị xã GN tiếp tục ban hành Quyết định số 222/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 3.790m² đất của gia đình bà mà chưa thực hiện thủ tục bồi thường theo quy định của pháp luật. Ngày 18/11/2015, UBND thị xã GN ban hành Quyết định số 1739/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình bà tổng số tiền 358.368.000 đồng, bà không đồng ý nên khiếu nại. Ngày 27/5/2016, UBND thị xã GN đã hủy bỏ Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 18/11/2015. Ngày 01/8/2016, Văn phòng UBND tỉnh Đăk Nông ban hành Thông báo số 520/TB-VPUBND về kết luận của ông Nguyễn B1 - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với bà. Ngày 25/8/2016, UBND thị xã GN ban hành Quyết định số 1581/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa và tài sản trên đất cho bà với tổng số tiền 239.270.420 đồng, bà không đồng ý nên khiếu nại yêu cầu hủy bỏ quyết định. Ngày 10/5/2017, Chủ tịch UBND thị xã GN ban hành Quyết định số 457/QĐ-UBND, không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà. Bà cho rằng việc Sở TM & DL tỉnh Đăk Nông tự ý san ủi diện tích đất của gia đình bà khi chưa bồi thường là trái quy định của pháp luật; việc Nhà nước quyết định giá bồi thường là không phù hợp mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận mức bồi thường với gia đình bà; bà không đồng ý với số lượng cây gió bầu trên đất và đơn giá cây gió bầu trong các Quyết định của UBND thị xã GN về phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình bà. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1/ Hủy Thông báo số 520/TB-VPUBND ngày 01/8/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Đăk Nông về kết luận của ông Nguyễn B1 - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với bà Phan Thị L (viết tắt là Thông báo số 520);

2/ Hủy Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 11/02/2009 của UBND thị xã GN về việc thu hồi 3.790 m² đất của hộ bà Phan Thị L (viết tắt là Quyết định số 222);

3/ Hủy Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 19/8/2008 của UBND thị xã GN về việc thu hồi 6.322m² đất để xây dựng nhà máy thủy điện Đắk Nir (viết tắt là Quyết định số 1965);

5/ Hủy Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND thị xã GN về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa và tài sản trên đất đối với hộ bà Phan Thị L (viết tắt là Quyết định số 1581);

6/ Hủy Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 của UBND thị xã GN về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (viết tắt là Quyết định số 769);

7/ Hủy Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND thị xã GN về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (viết tắt là Quyết định số 347);

8/ Hủy Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã GN về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L (viết tắt là Quyết định số 457);

9/ Yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền bồi thường thiệt hại về hành vi san ủi đất làm thiệt hại cho 02 gia đình bà; cụ thể:

- Yêu cầu Thị ủy GN, tỉnh Đắk Nông bồi thường cho bà 30% phụ cấp ngành do bị điều chuyển công tác trong thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 11/2017 với số tiền: 72 tháng x 1.500.000 đồng/tháng = 108.000.000 đồng; bồi thường do bị xúc phạm danh dự tại Công văn số: 22/CV-CB ngày 25/11/2009 với số tiền 10.000.000 đồng;

- Yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà, cụ thể: Bồi thường thiệt hại về nhà ở 100.000.000 đồng; Bồi thường hàng rào dây kẽm gai 124m x 200.000 đồng/m = 24.800.000 đồng; Bồi thường tiền đơn thư, in ấn, tàu xe đi lại khiếu kiện nhiều nơi trong thời gian 12 năm: 12 năm x 10.000.000 đồng/năm = 120.000.000 đồng; Bồi thường tiền công san gạt mặt bằng theo Công văn số 2763/UBND-NL ngày 06/12/2007 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện Kết luận số 1084/KL-UBND số tiền 30.000.000 đồng; Bồi thường số lượng 3.144 cây gió bầu theo đơn giá bằng 70% đơn giá quy định tại Công văn số 626/LN-LS ngày 05/7/2005 của Cục Lâm nghiệp, cụ thể: 3.144 cây x 07kg trầm/cây x 120 USD x 70% = 1.848.672 USD, bồi thường bằng tiền USD, không quy đổi ra tiền Việt Nam đồng.

- Yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Phan Văn Th, cụ thể: Bồi thường diện tích 600m² đất do Sở Thương mại, Du lịch tỉnh Đắk Nông làm đường nhựa đi qua là: 66.000.000 đồng; Bồi thường hàng rào dây kẽm gai: 30m x 200.000 đồng/m = 6.000.000 đồng; Bồi thường số lượng 859 cây gió bầu theo đơn giá bằng 70% đơn giá quy định tại Công văn số 626/LN-LS ngày 05/7/2005 của Cục Lâm nghiệp, cụ thể: 859 cây x 07kg trầm/cây x 120 USD x 70% = 505.092 USD, bồi thường bằng tiền USD, không quy đổi ra tiền Việt Nam đồng.

- Yêu cầu các cơ quan gây ra thiệt hại phải xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin đại chúng đối với những hành vi sai trái đã gây ra thiệt hại về tài sản, việc làm, vật chất, tinh thần cho bản thân và gia đình bà.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông trình bày:

Ngày 23/12/2005, Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Nam để tiến hành thi công hạng mục: đường đối nội, đường đối ngoại, đường vào thác và đường dã ngoại leo núi thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu du lịch Sinh thái - Văn hóa Liêng Nung. UBND xã ĐN đã thành lập Ban giải phóng mặt bằng để phối hợp giúp chủ đầu tư và đơn vị thi công tổ chức bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Do diện tích đất và cây trồng bị thu hồi không lớn, để đảm bảo kịp tiến độ thi công, Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Nam thống nhất bồi thường cho các hộ dân theo phương thức thỏa thuận, kinh phí bồi thường do đơn vị thi công tự chi trả. Vì vậy, Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông không lập phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Hộ bà L có một phần diện tích đất thuộc đoạn cua xe, đơn vị thi công đã tiến hành san gạt nên bà L kiến nghị đến UBND xã ĐN và Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông. Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông đã phối hợp với UBND xã ĐN và Ban giải phóng mặt bằng xã ĐN để kiểm kê đất đai và tài sản trên đất của bà L, kết quả có 1.322m² đất và 696 cây gió bầu bị ảnh hưởng (được bà L ký xác nhận). Tuy nhiên, bà L không đồng ý hạn mức đất ở là 400m² và giá bồi thường cây gió bầu theo cách tính của Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông. Ngày 28/5/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kết luận số 1084/KL-UBND về việc giải quyết nội dung đơn tố cáo của bà Phan Thị L (viết tắt là Kết luận số 1084), xác định diện tích đất của bà L bị san ủi là 1.376m² và 696 cây gió bầu. Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông đã tiến hành làm việc với bà L để thống nhất về mức bồi thường. Kết quả làm việc ngày 14/11/2007, hai bên thống nhất không thu hồi về đất vì làm thay đổi thiết kế dự án, đối với cây gió bầu thì áp giá 46.000 đồng/cây. Bà L không đồng ý về đơn giá cây gió bầu và diện tích đất bị san ủi. Ngày 27/7/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông đã tổ chức buổi làm việc với bà L. Ngày 01/8/2016, Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Thông báo số 520 về kết luận của ông Nguyễn B1 - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với bà Phan Thị L. Việc áp giá bồi thường tại thời điểm năm 2015 là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà L; tài sản trên đất của bà L đã được xác định tại Kết luận số 1084 và bà L không có ý kiến phản đối. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc hủy Thông báo số 520.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thị xã GN và Chủ tịch UBND thị xã GN trình bày:

Việc UBND thị xã GN ban hành các Quyết định số 222, 1965 và 1581 là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định của pháp luật. Sau khi ban hành các quyết định trên, UBND thị xã GN đã gửi cho bà L. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện của bà L đối với các Quyết định số 222 và 1965 đã hết. Đối với Quyết định số

1581 được UBND thị xã ban hành trên cơ sở triển khai thực hiện Kết luận số 1084, Công văn số 2763/UBND-NL ngày 06/12/2007 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện Kết luận số 1084 (viết tắt là Công văn số 2763) và Thông báo số 520 của UBND tỉnh. Do đó, UBND thị xã GN không đồng ý với yêu cầu của bà L về việc hủy các Quyết định nêu trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với các Quyết định số 769 và 347, UBND thị xã GN đã giao cho bà L nhưng bà L không khiếu nại hay khởi kiện trong thời hạn quy định, đến nay thời hiệu khởi kiện đã hết. Do đó, UBND thị xã GN không đồng ý với yêu cầu của bà L về việc hủy các Quyết định này, đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện đối với các Quyết định trên.

Đối với Quyết định số 457: ngày 25/8/2016 UBND thị xã GN ban hành Quyết định số 1581, bà L khiếu nại quyết định này. Đoàn xác minh đã phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc xác minh theo quy định, tham mưu cho Chủ tịch UBND thị xã GN ban hành Quyết định số 457 giải quyết khiếu nại của bà L. Việc ban hành Quyết định số 457 được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Do đó, Chủ tịch UBND thị xã GN không đồng ý với nội dung khởi kiện này của bà L.

Đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà L:

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về nhà ở: căn cứ vào kết quả xác nhận của UBND xã ĐN tại Công văn số 115/CV-UBND ngày 09/8/2016 (viết tắt là Công văn số 115), UBND thị xã GN đã phê duyệt phương án bồi thường về nhà cửa, vật kiến trúc bị thiệt hại đối với bà L theo đơn giá hiện hành tại Quyết định số 1581 với số tiền 65.292.292 đồng. Như vậy, nhà ở của bà L đã được bồi thường theo đúng quy định hiện hành.

Đối với yêu cầu bồi thường về hàng rào kẽm gai: căn cứ vào kết quả xác nhận của UBND xã ĐN tại Công văn số 115, không có hàng rào dây kẽm gai chôn dọc theo mặt đường đất dài 124m tại lô đất của bà L, thực tế bà L chỉ chôn một số cọc gỗ ngay trước nhà và dùng dây thừng để rào nhằm mục đích giữ xe vào ngày lễ tết của các năm 2008, 2009. Do đó, yêu cầu này của bà L là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền đơn thư, in ấn, tàu xe đi lại khiếu kiện nhiều nơi trong thời gian 12 năm: theo quy định hiện hành thì yêu cầu này là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền công san gạt mặt bằng: theo nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2763 thì trách nhiệm khắc phục, san gạt mặt bằng để giao trả lại cho hộ bà L thuộc về Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông), vì diện tích đất san ủi nằm trong diện tích đã thu hồi, phê duyệt phương án bồi thường năm 2009, do đó yêu cầu này của bà L là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu bồi thường 3.144 cây gió bầu theo Công văn số 626/LN-LS ngày 05/7/2005 của Cục Lâm nghiệp, UBND thị xã GN nhận thấy, tại Biên bản về việc giải quyết bồi thường đất và hoa màu lập ngày 14/11/2007, diện tích đất đã san ủi là 1.322m^2 có 696 cây gió bầu. Căn cứ để tính cây gió bầu dựa vào phần diện tích đất thực tế chưa bị san ủi của gia đình bà L thì mật độ cây trồng là $1,5\text{m} \times 0,2\text{m} = 0,3\text{m}^2/\text{cây}$; tuy nhiên sau khi đo đạc lại diện tích đất đã bị san ủi thì diện tích tăng thêm 54m^2 tương đương với 18 cây gió bầu; tổng số là 714 cây. Đối với diện tích đất còn lại ngày 12/3/2008 đã được kiểm tra trên thực tế có 748 cây gió bầu và một số cây trồng khác. Tổng cộng là 1.462 cây (714 cây + 748 cây). Số cây này đã được UBND thị xã GN phê duyệt bồi thường tại các Quyết định số 769, 347 và 1581. Việc bà L khởi kiện yêu cầu bồi thường bằng USD là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 600m^2 đất làm đường, 30m hàng rào kẽm gai và 859 cây gió bầu cho hộ ông Phan Văn Th: căn cứ Giấy ủy quyền ngày 17/11/2009, ông Thanh đã ủy quyền cho bà L toàn quyền xử lý đối với thửa đất số 170, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn 6, xã ĐN, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông. Bà L đã đứng tên trong quá trình thực hiện các thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án Thủy điện ĐN và Khu Du lịch Sinh thái – văn hóa Liêng Nung (thuộc thửa đất số 43 và 200, tờ bản đồ số 01 dự án). 02 thửa đất trên đã được Trung tâm Đo đạc và Tư vấn Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông tiến hành đo đạc, kê khai trình UBND thị xã GN thu hồi tại Quyết định số 1965 (thửa đất số 43, diện tích 1.405m^2) và Quyết định số 222 (thửa đất số 200, diện tích 459m^2). Đồng thời, đơn vị tư vấn đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu Du lịch Sinh thái – Văn hóa Liêng Nung kết hợp Nhà máy Thủy điện ĐN (giai đoạn 01) trình UBND thị xã GN phê duyệt tại Quyết định số 769 với số tiền 99.928.000 đồng (bao gồm thửa đất số 43 và 44, tờ bản đồ dự án) và Quyết định số 347 với số tiền 71.022.400 đồng (đối với thửa đất số 200). Như vậy, diện tích đất này đã được UBND thị xã GN thu hồi, phê duyệt phương án bồi thường vào năm 2009 nên UBND thị xã GN không đồng ý với yêu cầu bồi thường về đất và tài sản trên đất đối với ông Thanh của bà L.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông trình bày:

Tháng 3/2008, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (viết tắt là Sở VH, TT & DL) tỉnh Đắk Nông mới được sáp nhập theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 27/3/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc chuyển chức năng và tổ chức về du lịch của Sở TM & DL về Sở VH, TT & DL; chức năng và tổ chức về báo chí, xuất bản của Sở VH, TT & DL về Sở Thông tin và Truyền thông. Trong khi đất của bà L đã bị Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông san ủi trước đó. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà L về việc bồi thường tiền công san gạt mặt bằng theo Công văn số 2763 với số tiền 30.000.000 đồng và bồi thường diện tích 600m^2 đất do Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông làm đường nhựa đi

qua số tiền 66.000.000 đồng cho hộ gia đình ông Phan Văn Th, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xác minh cụ thể. Trường hợp chưa đưa vào phương án bồi thường thì phải bổ sung vào, trường hợp đã đưa vào phương án bồi thường thì không xem xét giải quyết.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn B trình bày: Sau khi vừa thành lập tỉnh Đắk Nông (không nhớ thời gian cụ thể), ông được bà L thuê chở trụ tiêu cắt đôi và dây kẽm gai bằng xe cày từ nhà của bà L tọa lạc tại phường NT, thị xã GN (nay là trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông) đến rẫy của bà L tọa lạc tại thôn 06, xã ĐN, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, bà L sử dụng các trụ tiêu và dây kẽm gai vào mục đích gì thì ông không biết.

Người làm chứng ông K'M trình bày: Ông là hàng xóm ở liền kề rẫy của bà L tại thôn 06, xã ĐN. Khoảng năm 2014, ông thấy bà L đến mua đất của ông K'B2. Sau khi mua đất, bà L đã xây nhà trên đất (loại nhà xây lửng, vách ván, nền xi măng, mái lợp tôn, nền đất; đến năm 2005 bà L mới làm nền xi măng). Ngày 02/02/2005, ông có xác nhận vào Giấy cam kết của ông K'B2 về việc ông K'B2 đã chuyển nhượng thửa đất số 173, tờ bản đồ số 10 cho bà L; việc xác nhận được thực hiện sau thời điểm chuyển nhượng. Khoảng năm 2005, ông chuyển nhượng cho bà L một phần diện tích đất (30x100m) nằm liền kề với đất bà L đã mua của ông K'B2. Trước đây ông trồng điều và cà phê trên đất, sau khi nhận chuyển nhượng, bà L đã chặt bỏ điều và cà phê để trồng cây gió bầu trên toàn bộ diện tích đã nhận chuyển nhượng của ông và ông K'B2. Bà L thuê ông trực tiếp làm một hàng rào kẽm gai, trụ đóng bằng cột gỗ để làm ranh giới giữa đất của ông và đất của bà L (dài khoảng 100m) và rào ngang mặt đường khoảng 30m. Tại thời điểm UBND thị xã GN ban hành quyết định thu hồi đất của bà L thì hàng rào kẽm gai vẫn còn nguyên.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông làm nghề thợ mộc, khoảng tháng 02/2004 (sau khi thành lập tỉnh), bà L thuê ông làm gỗ để xây dựng nhà trọ cho bà L tọa lạc tại phường NT, thị xã GN. Sau khi làm xong, do còn dư gỗ nên bà L chuyển gỗ vào xã ĐN để làm nhà rẫy, thời điểm làm nhà rẫy là khoảng tháng 3 hoặc tháng 4/2004 (ông không nhớ chính xác). Bà L thuê ông làm khoán với giá 50.000 đồng/m²; tổng diện tích căn nhà là 100m² gồm 03 (ba) gian: nhà khách, phòng ngang và phòng bếp; loại nhà gỗ, mái lợp tôn, nền láng xi măng; thời gian làm nhà khoảng 20 ngày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện phát biểu ý kiến:

- Về thời hiệu khởi kiện: theo điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thì các Quyết định số 1851, 457 và Thông báo số 520 còn thời hiệu khởi kiện; các Quyết định số 222, 1965, 347, 769 đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, theo khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính thì Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) có quyền xem xét tính hợp pháp của các Quyết định này. Tại Thông báo số 520 cũng thể hiện nếu bà L không đồng ý thì

có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện ra Tòa án. Như vậy, Hội đồng xét xử có quyền xem xét toàn bộ các quyết định đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Quyết định số 222 ban hành không đúng quy định của pháp luật, cụ thể: tại Kết luận số 1084 đã kết luận hành vi tự ý san ủi đất và cây gió bầu đối với hộ bà L của Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông là trái pháp luật nhưng chưa được giải quyết thì UBND thị xã GN đã ban hành quyết định thu hồi đất. Theo Quyết định số 222, UBND thị xã GN đã thu hồi 3.790m² đất của hộ bà L, trong đó có 1.430m² nằm trong dự án Khu du lịch Sinh thái - Văn hóa Liêng Nung. Theo quy định tại các Điều 38,39,40 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 thì dự án khu sinh thái không thuộc diện nhà nước thu hồi đất.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây gió bầu: tại Báo cáo số 06/BC-TTr ngày 26/02/2016 của Thanh tra thị xã GN thể hiện diện tích thửa đất của bà L là 9.532m², trong đó diện tích bị san ủi là 4.187m², mật độ trồng 1,5x2m/cây. Từ đó có thể tính trên tổng diện tích 9.532m² có tổng 3.144 cây gió bầu. Về đơn giá để tính mức bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu bồi thường hàng rào dây kẽm gai trên đất của bà L: tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/9/2017, ông Nguyễn Văn B thừa nhận đã chở cọc trụ tiêu và kẽm gai vào đất rẫy của bà L (vị trí đất bị thu hồi); ông K'M là người trực tiếp làm cho bà L cũng đã xác nhận trên đất bà L có hàng rào kẽm gai. Do đó, việc bà L yêu cầu bồi thường hàng rào dây kẽm gai là có cơ sở.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu của bà L về việc hủy các Quyết định số 222 và 347; chấp nhận yêu cầu bồi thường 3.144 cây gió bầu và bồi thường hàng rào dây kẽm gai của bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 7, khoản 2 Điều 117, các điểm a, đ khoản 1 Điều 123, các điểm g, h khoản 1 Điều 143, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 24 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1/ Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của bà Phan Thị L đối với các quyết định hành chính sau: Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 19/8/2008 của UBND thị xã GN về việc thu hồi 6.322m² đất để xây dựng nhà máy thủy điện Đắk Nir; Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 11/02/2009 của UBND thị xã GN về việc thu hồi 3.790 m² đất của hộ bà Phan Thị L; Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 của UBND thị xã GN phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND thị xã GN phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc hủy Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND thị xã GN về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa và tài sản trên đất đối với hộ bà Phan Thị L; Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã GN về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L; Thông báo số 520/TB-VPUBND ngày 01/8/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về kết luận của ông Nguyễn B1 - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với bà Phan Thị L.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị L về bồi thường thiệt hại về nhà ở số tiền 100.000.000 đồng.

4/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị L về bồi thường thiệt hại hàng rào dây kẽm gai số tiền 24.800.000 đồng.

5/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị L về bồi thường tiền đơn thư, in ấn, tàu xe đi lại khiếu kiện nhiều nơi trong thời gian 12 năm số tiền 120.000.000 đồng.

6/ Tách yêu cầu của bà Phan Thị L về bồi thường tiền công san gạt mặt bằng số tiền 30.000.000 đồng để giải quyết sau, khi bà L có đầy đủ chứng cứ, chứng minh bà L có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

7/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị L về bồi thường 3.144 cây gió bầu với số tiền 1.848.672 USD, bồi thường bằng USD, không quy đổi ra tiền Việt Nam.

8/ Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của bà Phan Thị L về bồi thường thiệt hại cho hộ gia đình ông Phan Văn Th.

9/ Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của bà Phan Thị L về việc buộc Thị ủy GN phải bồi thường 30% phụ cấp ngành do bị điều chuyển công tác trong thời gian 72 tháng với số tiền 108.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do bị xúc phạm danh dự tại Công văn số 22/CV-CB ngày 25/11/2009 với số tiền 10.000.000 đồng.

10/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị L về việc buộc các cơ quan gây ra thiệt hại phải xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bản thân và gia đình bà.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, bà Phan Thị L nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi yêu cầu kháng cáo ban đầu, từ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm sang huỷ bản án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch UBND thị xã GN và UBND thị xã GN yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Trong phần tranh luận, các đương sự và Luật sư trình bày như sau:

Bà Phan Thị L và các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L phát biểu ý kiến như sau:

Toàn bộ phần đất có diện tích khoảng 9.000m² thuộc thửa số 173, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn 6, xã ĐN, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông, do bà L mua của ông K'B2 từ tháng 02/2004 nhưng chưa tiến hành lập thủ tục sang tên. Công ty cổ phần xây dựng Hà Nam là đơn vị được Sở Thương mại và Du lịch tỉnh Đắk Nông ký hợp đồng, đã tiến hành san ủi đất, cây lâu năm của bà L; giai đoạn sau này, Công ty cổ phần năng lượng Trung Thành Hưng là đơn vị được UBND tỉnh tiếp tục giao thực hiện dự án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông K'B2 và hai Công ty nói trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại trang 11 của bản án sơ thẩm nhận định, bà L nhận được Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 19/8/2008 của UBND thị xã GN và Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 11/02/2009 của UBND thị xã GN từ năm 2007 là vô lý, vì hai quyết định này được ban hành năm 2008 và 2009.

Cho đến thời điểm hiện nay, ngoài việc sửa chữa lại con đường cũ đã có sẵn, các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa thực hiện dự án.

Việc kê khai tài sản là do UBND thị xã GN tự ấn định, bản thân bà L không biết gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm, điều tra, xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND thị xã GN và UBND thị xã GN phát biểu ý kiến như sau:

Đất của ông K'B2 đã được cấp giấy chứng nhận hợp pháp, việc ông K'B2 chuyển nhượng cho bà L là hợp pháp, bản thân bà L và ông K'B2 không có tranh chấp về quyền sử dụng đất. Do đó, trường hợp bà L đủ điều kiện để bồi thường theo quy định.

Công ty cổ phần xây dựng Hà Nam là đơn vị được Sở Thương mại và Du lịch tỉnh Đắk Nông ký hợp đồng, đã tiến hành san ủi đất, cây lâu năm của bà L, khi chưa có quyết định thu hồi đất là sai. Khi bà L tố cáo, UBND tỉnh đã có Thông báo số 520/TB-VPUBND ngày 01/8/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về kết luận của ông Nguyễn B1 - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với bà L và đã xử lý các cá nhân có liên quan.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1/ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2/ Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị L làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3/ Về nội dung kháng cáo:

Bà L thừa nhận đã nhận được các quyết định sau đây vào năm 2009: Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 19/8/2008 của UBND thị xã GN về việc thu hồi 6.322m² đất để xây dựng nhà máy thủy điện Đắk Nir; Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 11/02/2009 của UBND thị xã GN về việc thu hồi 3.790 m² đất của hộ bà Phan Thị L; Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 của UBND thị xã GN phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND thị xã GN phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Bà L khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên vào ngày 17/7/2017 là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu huỷ các quyết định này là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND thị xã GN về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa và tài sản trên đất đối với hộ bà Phan Thị L; Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã GN về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L; Thông báo số 520/TB-VPUBND ngày 01/8/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về kết luận của ông Nguyễn B1 - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với bà Phan Thị L và các khoản yêu cầu bồi thường là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị L làm trong thời hạn, có hình thức, nội dung phù hợp và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét ý kiến của bà Phan Thị L và các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng, khi không đưa ông K'B2 và hai Công ty nói trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhận thấy: Đất của ông K'B2 đã được cấp giấy chứng nhận hợp pháp, việc ông K'B2 chuyển nhượng cho bà L là hợp pháp, bản thân bà L và ông K'B2 không có tranh chấp về quyền sử dụng đất. Do đó, trường hợp bà L đủ điều kiện để bồi thường theo quy định. Công ty cổ phần xây dựng Hà Nam là đơn vị được Sở Thương mại và Du lịch tỉnh Đắk Nông ký hợp đồng, đã tiến hành san ủi đất, cây lâu năm của bà L, khi chưa có quyết định thu hồi đất là sai. Khi bà L tố cáo, UBND tỉnh đã có Thông báo số 520/TB-VPUBND ngày 01/8/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về kết luận của ông Nguyễn B1 - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với bà L và đã xử lý các cá nhân có liên quan. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông K'B2 và Công ty Hà Nam vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Đối với Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 19/8/2008 của UBND thị xã GN về việc thu hồi 6.322m² đất để xây dựng nhà máy thủy điện Đắk Nir (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1965/QĐ-UBND); Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 11/02/2009 của UBND thị xã GN về việc thu hồi 3.790 m² đất của hộ bà Phan Thị L (sau đây gọi tắt là Quyết định số 222/QĐ-UBND):

Bản án sơ thẩm cho rằng, bà L nhận được hai quyết định này vào năm 2007 là chưa chính xác, bởi hai quyết định này được ban hành vào năm 2008 và 2009. Tuy nhiên, tại bút lục số 207, bà L thừa nhận đã nhận được hai quyết định trên, nhưng không nhớ thời gian nhận. Sau khi nhận, bà không làm đơn khiếu nại, có gửi đơn tố cáo đến Đoàn Kiểm tra số 05 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thời gian gửi đơn tố cáo từ năm 2007 đến năm 2015. Như vậy, ít ra bà L đã nhận được hai quyết định nêu trên vào năm 2015.

[3.2] Đối với Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 của UBND thị xã GN phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi tắt là Quyết định số 769/QĐ-UBND) và Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND thị xã GN phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi tắt là Quyết định số 347/QĐ-UBND):

Tại bút lục số 207, bà L khởi thừa nhận, Trung Tâm Đo đạc, Tư vấn Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông có gửi hai quyết định này cho bà, kèm theo giấy mời nhận tiền nhưng bà không đến nhận tiền. Tại Giấy mời nhận tiền (lần 2) do bà L cung cấp đề ngày 24/7/2009 (bút lục số 43), Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12/01/2018 (bút lục số 221), bà L khai bà đã

nhận được Quyết định số 347 vào khoảng năm 2009, sau khi nhận bà đã khiếu nại đến UBND thị xã GN. Như vậy, có căn cứ xác định bà L đã nhận được hai quyết định trên vào năm 2009.

Ngày 17/7/2017, bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ 04 quyết định nêu trên là đã hết thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà L, về việc huỷ 04 quyết định hành chính nêu trên là đúng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3.3] Đối với Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND thị xã GN, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa và tài sản đối với hộ bà Phan Thị L (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1581/QĐ-UBND) và Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND thị xã GN, về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L (sau đây gọi tắt là Quyết định số 457/QĐ-UBND) và Thông báo số 520/TB-VPUBND ngày 01/8/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông, về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông tại buổi làm việc với bà Phan Thị L (sau đây gọi tắt là Thông báo số 520/TB-VPUBND):

Toà án cấp sơ thẩm đã xác định thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3.4] Về nội dung Quyết định số 1581/QĐ-UBND:

Tại Thông báo kết luận số 48/TB-UBND ngày 17/3/2011 và Thông báo kết luận số 79/TB-UBND ngày 29/6/2012, UBND tỉnh Đắk Nông đã chỉ đạo thu hồi dự án thủy điện ĐN và dự án Điểm du lịch sinh thái văn hóa vui chơi giải trí Liêng Nung; đồng thời thống nhất thay đổi tên gọi dự án thành Công viên vui chơi giải trí Liêng Nung, chủ đầu tư là Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là Sở VH, TT & DL). Như vậy, việc thu hồi đất để thực hiện dự án Công viên vui chơi giải trí Liêng Nung thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38, Điều 39 Luật Đất đai năm 2003.

Ngày 28/5/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kết luận số 1084 giải quyết đơn tố cáo của bà L; ngày 06/12/2007, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Công văn số 2763 thực hiện Kết luận số 1084; ngày 01/8/2016, Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Thông báo số 520 về kết luận của ông Nguyễn B1 - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với bà L; ngày 8/8/2016, UBND thị xã GN ban hành Công văn số 1089/UBND-TTtr về việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà L; ngày 09/8/2016, UBND xã ĐN ban hành Công văn số 115 xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và thời điểm xây dựng nhà, hàng rào dây kẽm gai, trụ tiêu của hộ bà L.

Trên cơ sở đó, ngày 25/8/2016, UBND thị xã GN ban hành Quyết định số 1581/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa và tài sản trên đất đối với hộ bà L. Trong đó phê duyệt bồi thường 03 căn nhà với tổng

số tiền 65.292.492 đồng, mức giá theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông và 714 cây gió bầu với số tiền 169.218.000 đồng, giá cây trồng theo quyết định số 177/2015/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà L yêu cầu tính giá trị 03 căn nhà trị giá 100.000.000 đồng và giá cây gió bầu tính theo Công văn số 626/LN-LS ngày 05/7/2005 của Cục Lâm nghiệp là không có căn cứ.

[3.5] Về nội dung Quyết định số 457/QĐ-UBND:

Như trên đã nhận định, Quyết định 1581/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, có nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, khi bà L khiếu nại quyết định này, UBND thị xã GN ban hành Quyết định số 457/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu), có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà L, giữ nguyên Quyết định số 1581/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.5] Về nội dung Thông báo số 520/TB-VPUBND:

Bà L có đơn tố cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông, về việc Sở Thương mại và Du lịch tỉnh Đắk Nông đã có hành vi, tiến hành san ủi trên 1.000 cây gió bầu để thực hiện dự án Khu du lịch Sinh thái Văn hóa Liêng Nung nhưng không bồi thường, hỗ trợ, gây thiệt hại về kinh tế và ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình bà; san ủi gần 3.000m² đất để thực hiện dự án Khu du lịch Sinh thái Văn hóa Liêng Nung nhưng không thông báo việc thu hồi đất, không lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho gia đình bà.

Ngày 28/5/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kết luận số 1084 về việc giải quyết đơn tố cáo của bà L. Bà L không có ý kiến đối với kết luận này.

Ngày 27/7/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông đã tổ chức buổi làm việc với bà L về những nội dung liên quan đến việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu du lịch Sinh thái Văn hóa Liêng Nung và việc thực hiện Kết luận số 1084. Ngày 01/8/2016, Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Thông báo số 520/TB-VPUBND về kết luận của ông Nguyễn B1 - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với bà Phan Thị L. Tại điểm c khoản 4 của Thông báo số 520/TB-VPUBND, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông giao UBND thị xã GN lập phương án bồi thường đối với 696 cây gió bầu bị thiệt hại của bà L, áp dụng giá cây gió bầu theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông. Như vậy, Thông báo số 520/TB-VPUBND là để giải quyết việc thực hiện Kết luận số 1084 (bà L không có ý kiến phản đối Kết luận số 1084), việc áp giá bồi thường về cây gió bầu theo đơn giá quy định tại năm 2015 là đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bà L.

[3.6] Về các yêu cầu của bà L, về việc buộc Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà:

[3.6.1] Bồi thường thiệt hại về nhà ở số tiền 100.000.000 đồng:

Ngày 25/8/2016, UBND thị xã GN đã ban hành bảng tính bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa đối với hộ bà L kèm theo Quyết định số 1581/QĐ-UBND, theo đó 03 căn nhà nói trên của bà L đã được phê duyệt phương án bồi thường có tổng giá trị 65.292.492 đồng, mức giá này là phù hợp với quy định tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông. Việc bà L là phù hợp yêu cầu bồi thường 03 căn nhà nói trên với giá 100.000.000 đồng là không có căn cứ.

[3.6.2] Bồi thường hàng rào dây kẽm gai số tiền 24.800.000 đồng:

Tại Công văn số 115 của UBND xã ĐN thể hiện: Ban tự quản bon N'J riêng (thôn 06 cũ), già làng, những người ở lâu năm tại bon và những người giáp ranh đều khẳng định không có hàng rào dây kẽm gai như lời khai của bà L; bà L chỉ chôn một số cọc gỗ ngay trước nhà và dùng dây thừng để rào nhằm mục đích giữ xe vào ngày lễ tết của các năm 2008, 2009. Do đó, UBND thị xã GN không phê duyệt phương án bồi thường cho bà đối với hàng rào dây kẽm gai là phù hợp.

[3.6.3] Bồi thường tiền đơn thư, in ấn, tàu xe đi lại khiếu kiện nhiều nơi trong thời gian 12 năm số tiền 120.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.6.4] Bồi thường tiền công san gạt mặt bằng số tiền 30.000.000 đồng:

Theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Nông tại Công văn số 2763 thì trách nhiệm khắc phục, san gạt mặt bằng để giao trả lại cho hộ bà L thuộc về Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông (nay là Sở VH, TT & DL tỉnh Đắk Nông). Tại phiên toà, bà L xác định diện tích đất của gia đình bà hiện nay chưa được cơ quan có thẩm quyền san gạt mặt bằng, gia đình bà cũng chưa thực hiện việc san gạt mặt bằng nên bà chưa có chứng cứ chứng minh số tiền san gạt mặt bằng cụ thể là bao nhiêu. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm tách yêu cầu này để giải quyết bằng một vụ án dân sự, khi bà L có yêu cầu là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3.6.5] Bồi thường 3.144 cây gió bầu theo đơn giá bằng 70% đơn giá quy định tại Công văn số 626/LN-LS ngày 05/7/2005 của Cục Lâm nghiệp, cụ thể: $3.144 \text{ cây} \times 07\text{kg} \text{ trầm/cây} \times 120 \text{ USD} \times 70\% = 1.848.672 \text{ USD}$, bồi thường bằng tiền USD, không quy đổi ra tiền Việt Nam đồng:

Bà L không cung cấp được chứng cứ, tài liệu chứng minh trên diện tích đất gia đình bà bị thu hồi đã trồng 3.144 cây gió bầu.

Căn cứ vào mật độ trồng $1,5\text{m} \times 2\text{m} = 3\text{m}^2/\text{cây}$ gió bầu do bà L đã trồng ở kế phần đất 1.322m^2 bị san ủi, UBND thị xã GN xác định trên 1.322m^2 chỉ trồng tương đương 696 cây gió bầu. Sau khi đo đạc lại thì diện tích đất đã bị san ủi tăng thêm 54m^2 tương đương với 18 cây gió bầu, tổng cộng là 714 cây. Mặt khác, tại danh sách thống kê các hộ gia đình có cây trồng trong phạm vi giải toà dự án thác Liêng Nung ngày 14/3/2006, bà L đã ký xác nhận diện tích đất 1.322m^2 , trên đất có 696 cây gió bầu 01 năm tuổi.

Quyết định số 769/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường cho bà L 498 cây gió bầu, đơn giá 28.000 đồng/cây, thành tiền 13.944.000 đồng; Quyết định số 347/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường cho bà L 250 cây gió bầu trồng năm thứ 3, đơn giá 46.000 đồng/cây, thành tiền 11.500.000 đồng. Như vậy, tổng số cây gió bầu trên diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà L là 1.462 cây đã được UBND thị xã GN phê duyệt bồi thường là phù hợp với Quyết định số 19/2007/QĐ-UBND ngày 24/10/2007 của UBND tỉnh Đắk Nông.

Do đó, việc bà L yêu cầu bồi thường 3.144 cây theo đơn giá bằng 70% đơn giá quy định tại Công văn số 626/LN-LS ngày 05/7/2005 của Cục Lâm nghiệp với số tiền 1.848.672 USD là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.6.6] Bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Phan Văn Th, diện tích 600m² đất do Sở TM & DL tỉnh Đắk Nông làm đường nhựa đi qua số tiền 66.000.000 đồng; bồi thường hàng rào dây kẽm gai số tiền 6.000.000 đồng, bồi thường 859 cây gió bầu theo đơn giá bằng 70% đơn giá quy định tại Công văn số 626/LN-LS ngày 05/7/2005 của Cục Lâm nghiệp số tiền 505.092 USD:

Do ông Thanh không phải là người trực tiếp ký đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường các khoản nêu trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu này của bà L là phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 117, điểm a khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3.6.7] Buộc Thị ủy GN phải bồi thường 30% phụ cấp ngành do bị điều chuyển công tác trong thời gian 72 tháng số tiền 108.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do bị xúc phạm danh dự tại Công văn số 22/CV-CB ngày 25/11/2009 số tiền 10.000.000 đồng:

Xét thấy, Quyết định số 613-QĐ/ThU ngày 29/9/2011 về việc điều động cán bộ và Công văn số 22-CV/CB ngày 25/11/2009 về việc giới thiệu nội dung để Đảng viên giải trình, làm rõ của Thị ủy GN là các văn bản nội bộ, không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu nêu trên của bà L là phù hợp với các quy định tại Điều 30, điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3.6.8] Buộc các cơ quan gây ra thiệt hại phải xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin đại chúng đối với những hành vi sai trái đã gây ra thiệt hại về tài sản, việc làm, vật chất, tinh thần cho bản thân và gia đình bà L:

Do bà L chưa chứng minh được cơ quan nào đưa ra thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà và gia đình bà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà L là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy kháng cáo của bà L và đề nghị của các Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà L là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm

là có căn cứ và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà L phải nộp 300.000 đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 7, khoản 2 Điều 117, các điểm a, đ khoản 1 Điều 123, các điểm g, h khoản 1 Điều 143, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 24 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

[1] Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của bà Phan Thị L, về việc yêu cầu huỷ các quyết định hành chính sau:

Quyết định số 1965/QĐ-UBND, ngày 19/8/2008 của Ủy ban nhân dân thị xã GN, về việc thu hồi 6.322m² đất để xây dựng nhà máy thủy điện Đắk Nir;

Quyết định số 222/QĐ-UBND, ngày 11/02/2009 của Ủy ban nhân dân thị xã GN, về việc thu hồi 3.790m² đất của hộ bà Phan Thị L;

Quyết định số 769/QĐ-UBND, ngày 19/12/2008 của Ủy ban nhân dân thị xã GN, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Quyết định số 347/QĐ-UBND, ngày 16/7/2009 của Ủy ban nhân dân thị xã GN, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L, về việc huỷ các quyết định, thông báo sau:

Quyết định số 1581/QĐ-UBND, ngày 25/8/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã GN, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa và tài sản trên đất đối với hộ bà Phan Thị L;

Quyết định số 457/QĐ-UBND, ngày 10/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã GN, về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L;

Thông báo số 520/TB-VPUBND, ngày 01/8/2016 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, về kết luận của ông Nguyễn B1 - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với bà Phan Thị L.

[3] Không chấp nhận các yêu cầu của bà Phan Thị L, về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã GN và các cơ quan khác, bồi thường của đối với các khoản sau:

Bồi thường thiệt hại về nhà ở số tiền 100.000.000 đồng;

Bồi thường thiệt hại hàng rào dây kẽm gai số tiền 24.800.000 đồng;

Bồi thường tiền đơn thư, in ấn, tàu xe đi lại khiếu kiện nhiều nơi trong thời gian 12 năm số tiền 120.000.000 đồng;

Bồi thường 3.144 cây gió bầu với số tiền 1.848.672USD, bồi thường bằng USD, không quy đổi ra tiền Việt Nam;

Buộc các cơ quan gây ra thiệt hại phải xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bản thân và gia đình bà.

[4] Tách yêu cầu của bà Phan Thị L, về bồi thường tiền công san gạt mặt bằng số tiền 30.000.000 đồng để giải quyết sau, khi bà L có đầy đủ chứng cứ, chứng minh bà L có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[5] Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của bà Phan Thị L về bồi thường thiệt hại cho hộ gia đình ông Phan Văn Th.

[6] Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu của bà Phan Thị L, về việc buộc Thị ủy GN phải bồi thường 30% phụ cấp ngành do bị điều chuyển công tác trong thời gian 72 tháng với số tiền 108.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do bị xúc phạm danh dự tại Công văn số 22/CV-CB ngày 25/11/2009 với số tiền 10.000.000 đồng.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phan Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 1260 ngày 10/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông. Bà L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu (6),

Võ Văn Khoa